

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HSST

Ngày: 12 - 11- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị T Hà

2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn X**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 01/01/1973, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: Bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không; Con ông: Lò Văn L; Con bà: Lò Thị N (Đã chết); Vợ: Lò Thị H; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 24/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", bản án này bị cáo chưa được xóa án tính, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01/7/2021, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lò Thị H; Địa chỉ: Bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 20 phút ngày 01/7/2021, tổ công tác công an xã N, thành phố Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực bản H, xã N, thì phát hiện bị cáo Lò Văn X đang điều khiển xe mô tô BKS 27B1- 056.41 đi trên đường dân sinh từ quốc lộ 279 vào bản H, hướng từ xã Nà Tấu về phía tổ công tác có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy, tổ công tác yêu cầu dừng xe để kiểm tra, bị cáo đã tự giác lấy trong miệng của mình giao nộp cho tổ công tác 01 gói nhỏ bằng nylon màu hồng, được hơ lửa gián kín, bị cáo khai đó mà ma túy, loại Heroine, bị cáo mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, khoảng 60 tuổi, không quen biết tại bản Long Luống, xã Mường Phăng, thành phố Đ hết 50.000đ, mục đích để sử dụng, trên đường đi về nhà thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 01/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 784/GĐ-PC09 ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,1gam;

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS-TPĐBP ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lò Văn X về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch T tiêu hủy: 0,07 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nylon màu hồng, tịch T sung vào ngân sách nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-056.41, trả lại cho chị Lò Thị H 1/2 giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-056.41. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn X không bổ sung thêm lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 10 giờ 20 phút ngày 01/7/2021, tổ công tác công an xã N, thành phố Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực bản H, xã N, thành phố Đ thì phát hiện Lò Văn X đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,1 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 10 giờ 55 phút ngày 01/7/2021, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 01/7/2021, kết luận giám định số 784/GĐ-PC09 ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh B.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Ngày 21/11/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 19/01/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bản án này bị cáo chưa được xóa án tính, nên lần phạm tội này bị cáo Tộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Lò Văn X về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, mặt dù bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là "Tái phạm", nhưng với khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,1 gam Heroine, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị T giữ là mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, tại bản Long Luống, xã Mường Phăng, nhưng không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: 0,07 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cầm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu hồng không còn giá trị sử dụng, cần tịch T tiêu hủy.

Chiếc xe mô tô màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 27B1-056.41, 01 đăng ký xe mang tên Tòng Thị T, 01 chìa khóa xe, quá trình giải quyết vụ án xác định là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Lò Thị H, khi bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, chị H không biết, nên cần tịch T sung ngân sách nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô, 01 đăng ký xe, 01 chìa khóa xe và trả lại cho chị H 1/2 giá trị chiếc xe mô tô.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn X phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn X 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (01/7/2021).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch T tiêu hủy 0,07 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng. Tịch T sung vào ngân sách nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-056.41, số khung RLHHC09086Y054198, Số máy VDEJQ152FMH★074190★, kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003505, mang tên Tòng Thị T, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đỏ đen, số khung 074190, Số máy 074190 và 01 chìa khóa xe, trả lại cho chị Lò Thị H 1/2 giá trị chiếc xe mô tô mô tô biển kiểm soát 27B1-056.41(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2021 giữa Công an thành

phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B) .

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toàn có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành